

CÔNG TY TNHH SIM VIỆT HÙNG THỊNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SIM VIỆT HÙNG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG THINH VIET SIM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUNG THINH VIET SIM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110018391

3. Ngày thành lập: 02/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Đồi, Thôn Phù Yên, Xã Trường Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0921190000

Fax:

Email: Trinhnv888@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đầu giá)	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đầu giá)	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đầu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đầu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ Đấu giá hàng hoá)	4610
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm,	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
20.	Khai thác gỗ	0220
21.	Đào tạo trung cấp	8532
22.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
23.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
24.	Lập trình máy vi tính	6201
25.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
26.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
27.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
28.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
30.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
31.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản Môi giới bất động sản	6820
32.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...(Cố vấn hệ thống quản trị nhân sự) (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020

33.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy Tư vấn quy hoạch xây dựng Khảo sát địa hình Khảo sát địa chất công trình Khảo sát địa chất thủy văn Khảo sát hiện trạng công trình Thiết kế quy hoạch xây dựng Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình Tư vấn quản lý dự án Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng Thiết kế xây dựng Giám sát thi công xây dựng công trình	7110
34.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
35.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
36.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	7320
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
38.	Cho thuê xe có động cơ	7710
39.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
40.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
41.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
42.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
43.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.	4931
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
45.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
48.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
49.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet; Đại lý dịch vụ viễn thông;	6190

50.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
51.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
52.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (tuyển dụng nhân sự) (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7830
53.	Đại lý du lịch	7911
54.	Điều hành tua du lịch	7912
55.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
56.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (trừ dịch vụ Nhà nước cấm)	8211
57.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
58.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
62.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
63.	Xây dựng công trình điện	4221
64.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
65.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
66.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
67.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
68.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
69.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
70.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
71.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
72.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
73.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
74.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

